

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA VIỄN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lã Hoàng Giáp

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Quốc Trị

2. Ông Hà Xuân Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn Đông LN, xã G L, huyện G V, tỉnh Ninh Bình.

*Bị đơn:* Chị Đinh Thị H, sinh năm 1985; HKTT : thôn Đông LN, xã G L, huyện G V, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: thôn Nam LN, xã G L, huyện G V, tỉnh Ninh Bình.

Anh T có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 07 tháng 5 năm 2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Trung T trình bày: Anh và chị Đinh Thị H được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/11/2008 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G L, huyện G V, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu, đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, đến khoảng năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xô xát cãi, chửi nhau, gây mất đoàn kết trong gia đình, ảnh hưởng tới con cái. Cả hai đã cố gắng để hòa giải hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên đến đầu năm 2020 chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Nam LN, xã G L, huyện G V, tỉnh Ninh Bình sinh sống, từ đó cho đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân hoàn toàn, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay anh Nguyễn Trung T xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ

chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị H.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng anh chị hiện còn có một con chung là cháu Nguyễn Thế An, sinh ngày 05/11/2010. Hiện nay, cháu đang ở với chị H; khi ly hôn anh đề nghị để chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thế An. Anh T tự nguyện cấp dưỡng cho con hàng tháng, mỗi tháng mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh Nguyễn Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ văn bản tố tụng nhưng chị H chỉ lên làm việc 01 lần và viết bản tự khai, đồng thời làm đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai đề ngày 19/8/2021 bị đơn chị Đinh Thị H trình bày: Về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn của vợ chồng đúng như anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt vợ chồng; đến cuối năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, anh T bắt chị ký vay tiền ngân hàng nhưng chị không đồng ý dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T to tiếng đuổi chị đi. Chị H xác định từ cuối năm 2019 đến nay chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Nam LN, xã G L, huyện G V sinh sống, hai vợ chồng ly thân hoàn toàn; Chị và anh T vẫn hay gặp mặt nhau vì ở gần nhau nhưng không nói chuyện gì. Hiện nay, chị H trình bày do luật lệ của bên Công giáo không cho ly hôn và chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T nên anh T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị không đồng ý. Trường hợp anh T kiên quyết ly hôn chị cũng không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị H cũng xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thế An, sinh ngày 05/11/2010. Hiện nay, cháu đang ở với chị; trong trường hợp ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu An và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử cho anh Nguyễn Trung T được ly hôn chị Đinh Thị H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế An, sinh ngày 05/11/2010 cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H 1.000.000 đồng/ tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi. Cha, mẹ trực tiếp nuôi

con cùng các thành viên gia đình không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn anh Nguyễn Trung T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là chị Đinh Thị H có nơi cư trú tại: xã G L, huyện G V, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G V, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị Đinh Thị H, chị H có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Chị Đinh Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Anh Nguyễn Trung T và chị Đinh Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G L, huyện G V, tỉnh Ninh Bình, ngày 27/11/2008. Việc kết hôn của anh T, chị H đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Trung T và chị Đinh Thị H là hợp pháp.

Hôn nhân chỉ bền vững khi vợ chồng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Xét, anh Nguyễn Trung T yêu cầu ly hôn với chị Đinh Thị H do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; trong bản tự khai chị H có trình bày hai vợ chồng có nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế từ cuối năm 2019, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T to tiếng và đuổi chị đi, từ thời điểm đó vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, giấy triệu tập chị H đến Tòa án làm việc và hòa giải, động viên anh chị hàn gắn, đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị H không đến Tòa án để tham gia, điều đó thể hiện chị H không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh T; Chị H tuy kiên quyết không đồng ý ly hôn nhưng bản thân chị H cũng không có biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng; anh chị sống ly thân nhưng khoảng cách gần nhau, hàng ngày vẫn gặp mặt nhưng không chuyện trò gì, mặc dù có điều kiện nhưng cả hai không cùng tìm hướng khắc phục những vấn đề mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng anh Nguyễn Trung T và chị Đinh Thị H đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Đinh Thị H của anh Nguyễn Trung T.

**[3] Về con chung:** Anh Nguyễn Trung T và chị Đinh Thị H cùng thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Thế An, sinh ngày 05/11/2010. Xét anh T và chị H đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; Cháu An hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; Từ khi anh T và chị H sống ly thân, cháu An ở cùng với chị H và được đảm bảo tốt các điều kiện ăn ở, học tập của cháu An. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho cháu phát triển ổn định, toàn diện về thể chất, tinh thần, cần giao cho chị Đinh Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

**[4]. Về cấp dưỡng cho con:** chị H, cháu An không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con; anh T tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi. Xét việc cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của cha mẹ đã được pháp luật quy định, do vậy việc cấp dưỡng cho con của anh T là hoàn toàn phù hợp cần được chấp nhận.

**[5] Về tài sản và công nợ chung:** anh Nguyễn Trung T, chị Đinh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6] Về án phí:** Anh Nguyễn Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, , khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung T

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Trung T được ly hôn với chị Đinh Thị H.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Đinh Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thế An, sinh ngày 05/11/2010, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.000.000 đồng/tháng (*một triệu đồng/tháng*), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Thế An đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đinh Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, anh Nguyễn Trung T không trả hoặc trả không đầy đủ, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Anh Nguyễn Trung T và chị Đinh Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Trung T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng;

Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0003922, ngày 13/5/2021. Anh T phải nộp thêm 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/9/2021. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

*Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*Nơi nhận:*

- Toà án tỉnh Ninh Bình;
- VKS huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS Gia Viễn;
- UBND xã G L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**Lã Hoàng Giáp**